

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2022

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Danh Út Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16/3/2021 về việc “Tranh chấp về Ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1981 (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 8, Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 18/02/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Vào năm 1998, bà kết hôn cùng với ông Võ Văn B, hôn nhân do mai mối, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/8/2018.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm, thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B uống rượu về kiếm chuyện gây gổ, đánh đập bà nhiều lần, cha mẹ hai bên gia đình rầy la, khuyên can nhưng ông B không chịu sửa đổi tánh tình nên vào năm 2010 bà có làm đơn ly hôn. Sau đó, ông B cam kết với Tòa và hứa với cha mẹ hai bên là sẽ

không đánh đập bà nữa mà lo làm ăn nuôi vợ con nên bà nghe lời cha mẹ hai bên rút đơn cho ông B cơ hội sửa đổi, để vợ chồng cùng nhau làm ăn, nuôi con khôn lớn. Ông bà chung sống đến năm 2014 thì ông B tánh nào tật ấy, bà không chịu đựng được nữa nên dắt con lên Bình Dương làm công nhân để kiếm tiền trang trải cuộc sống gia đình. Vợ chồng sau đó vẫn chung sống qua lại với nhau đến tháng 7/2019 thì ông B lại đánh đập bà nên bà bồng con ra đi và vợ chồng ly thân với nhau đến nay. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên là: Võ Minh Nh – sinh ngày 15/01/2000, Võ Thị C – sinh ngày 20/6/2001, Võ Văn Đ – sinh ngày 24/6/2003 và Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018. Cả 3 cháu lớn đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018 đang sống cùng bà nên bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng bà có đất do cha mẹ chồng cho và có căn nhà cấp 4 nhưng phần tài sản chung vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn B; Về con chung, cả 3 cháu lớn là Võ Minh Nh – sinh ngày 15/01/2000, Võ Thị C – sinh ngày 20/6/2001, Võ Văn Đ – sinh ngày 24/6/2003 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018 đang sống cùng bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, bà D xác định vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung bà cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 08/4/2022 và tại phiên tòa, Bị đơn ông Võ Văn B hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Ông B thừa nhận có uống rượu và có đánh bà D nhiều lần nhưng đó không phải là nguyên nhân mâu thuẫn chính mà nguyên nhân mâu thuẫn theo ông B bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2019 lúc đó ông đi làm hồ, vợ ở nhà nuôi con nhỏ nên thiếu hụt tiền bạc nên vợ muốn lên Bình Dương để làm thuê, ông thì không cho nhưng anh em bên vợ xuống rước nên bà D đi lên Bình Dương làm và từ đó cho đến nay không có về nhà. Mới đây, mẹ ruột ông mất thì bà D có về và tới cúng 49 ngày bà D cũng về nhưng vợ chồng không có hòa giải được với nhau được, chứ ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Ông cũng đã khuyên ngăn vợ nhiều lần nhưng vợ không nghe theo, lâu nay vợ đi làm thì ông nghĩ vợ đi làm thôi chứ ông cũng không nghĩ vợ chồng bắt buộc phải ly hôn với nhau vì dù sau vợ chồng cũng đã chung sống và có với nhau 4 mặt con, ít nhiều cũng có nhiều tình cảm nên đâu thể nào nói bỏ là bỏ nhau được, hơn nữa ông cũng không muốn các con mất mát tình cảm giữa cha mẹ chúng nó về sau. Trong thời gian ly thân ông có lên tìm vợ 2 - 3 lần nhưng vợ đối xử lạnh lẽo quá nên ông không lên nữa.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên là: Võ Minh Nh – sinh ngày 15/01/2000, Võ Thị C – sinh ngày 20/6/2001, Võ Văn Đ – sinh ngày 24/6/2003 và Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018. Cả 3 cháu lớn đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018 đang sống cùng với bà D.

Tài sản chung: Vợ chồng có chung 1 căn nhà cất khoảng 200 triệu (cất năm 2015) và có đất đai cha mẹ cho nhưng phần này vợ chồng ông tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, ông Võ Văn B không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D, vì ông còn thương vợ, thương con, ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi con, ông không muốn con mất mát tình cảm của cha mẹ; Về con chung : Cả 3 cháu lớn là Võ Minh Nh – sinh ngày 15/01/2000, Võ Thị C – sinh ngày 20/6/2001, Võ Văn Đ – sinh ngày 24/6/2003 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018 đang sống cùng với bà D nên ông đồng ý giao cháu Th cho bà D tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Nợ chung: ông xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn B được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Văn B xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 13/8/2018, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Mỹ D xin ly hôn với ông Võ Văn B vì lý do ông B thường xuyên uống rượu, mỗi lần say về là hành hạ, đánh đập bà nhiều lần. Còn ông B thừa nhận, ông có đánh vợ nhưng vì nhậu say không làm chủ được bản thân nên anh mới đánh, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn đoàn tụ. HĐXX thấy rằng, sau hơn 15 năm chung sống, giữa bà D và ông B đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là những lần ông B dùng bạo lực để giải quyết bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Tại phiên tòa, bà D đã tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn vì không

thể chịu đựng việc bị chồng đánh đập, hơn nữa, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu (hơn 02 năm) nên bà không còn tình cảm yêu thương đối với chồng. Mặc dù, ông B có nguyện vọng được đoàn tụ, không muốn ly hôn nhưng ông không thể hiện được tình cảm yêu thương dành cho vợ, trong suốt thời gian ly thân ông không hòa giải được với bà D, cũng như không tạo được lòng tin đối với bà D, không cho bà D thấy được sự yên tâm trong hôn nhân mà bà D vẫn cương quyết ly hôn. Với tình trạng hôn nhân trầm trọng, thái độ hành xử bạo lực thường xuyên xảy ra trong đời sống vợ chồng của bà D và ông B làm cho hôn nhân của ông bà không thể kéo dài được nữa nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Văn B xác định vợ chồng ông bà có 04 con chung tên là: Võ Minh Nh – sinh ngày 15/01/2000, Võ Thị C – sinh ngày 20/6/2001, Võ Văn Đ – sinh ngày 24/6/2003 và Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018. Cháu Nh, cháu C và cháu Đ đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

Riêng cháu Võ Minh Th hiện nay đang sống cùng với bà D nên bà D và ông B thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Võ Minh Th cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Văn B thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Võ Văn B xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ bà D phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Võ Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Minh Th – sinh ngày 17/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

Khi cần thiết ông, bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí là theo biên lai thu số 0009791, ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp xong số tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/4/2022.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhật